

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ_ HỌC KỲ II
KHỐI 12_NĂM HỌC 2023 – 2024

1. Môn Toán

Khối	Nội dung kiến thức (Chương/bài/chủ đề,...)	Nội dung ôn tập trọng tâm (Vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Thời lượng – hình thức làm bài
12	Nguyên hàm	-Sử dụng được công thức để tính nguyên hàm. -Phân biệt được các phương pháp tính nguyên hàm. -Sử dụng đúng các phương pháp để tính được nguyên hàm. -Tìm được các hệ số trong bài toán nguyên hàm thỏa điều kiện cho trước.	Thời lượng: 60 phút. Hình thức: Trắc nghiệm khách quan 40 câu
	Tích phân	-Sử dụng đúng công thức và tính chất của tích phân. -Nắm vững các phương pháp tính tích phân. -Sử dụng đúng phương pháp vào giải toán tích phân. -Tìm được các hệ số trong bài toán tích phân thỏa điều kiện cho trước	
	Ứng dụng tích phân	-Sử dụng đúng công thức vào việc tính diện tích -Nắm vững các bước tính diện tích để sử dụng chính xác trong việc giải toán. -Kết hợp phương pháp và hình vẽ để tính diện tích hình phẳng.	

Khối	Nội dung kiến thức (Chương/bài/chủ đề,...)	Nội dung ôn tập trọng tâm (Vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Thời lượng – hình thức làm bài
		-Sử dụng diện tích hình phẳng để giải các bài toán liên quan đến hàm số.	
12	Hệ tọa độ trong không gian	-Sử dụng đúng công thức để tính toán các yếu tố theo yêu cầu bài toán. -Phân biệt được các yêu cầu cần tính của bài toán về tọa độ hoặc viết phương trình mặt cầu. -Sử dụng được các công thức vào việc giải toán, tìm các yếu tố thỏa điều kiện cho trước hoặc viết phương trình mặt cầu. -Sử dụng được các tính chất để giải được bài toán về khoảng cách.	
	Phương trình mặt phẳng	-Nhận dạng được phương trình mặt phẳng để tìm véc tơ pháp tuyến hoặc viết phương trình cơ bản -Nắm được phương pháp để viết phương trình mặt phẳng hoặc vị trí tương đối. -Viết được phương trình mặt phẳng thỏa điều kiện cho trước. -Viết phương trình mặt phẳng thỏa điều kiện về khoảng cách hoặc dùng giao điểm để giải bài toán liên quan. - Vị trí tương đối của mặt phẳng và mặt cầu	

2. Vật lí

Số TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Dao động và sóng điện từ	- Mạch dao động và điện từ trường	Nhận biết: - Mạch dao động - Quan hệ về pha giữa i , u và q - Tính toán chu kỳ, tần số, tần số góc mạch dao động Thông hiểu: - Quan hệ giữa điện trường và từ trường - Điện từ trường và thuyết điện từ Mac-xoen Vận dụng: - Năng lượng mạch dao động - Xác định i , u và q Vận dụng cao: - Xác định i , u và q	2	1	2	1
		- Sóng điện từ.	Nhận biết: - Định Nghĩa, Đặc điểm và tính chất sóng điện từ Thông hiểu: - Sự truyền sóng vô tuyến trong khí quyển	2	1		
		- Nguyên tắc thông tin liên lạc bằng sóng vô tuyến.	Thông hiểu: - Nguyên tắc chung của thông tin liên lạc bằng sóng vô tuyến Vận dụng: -Phân biệt sóng vô tuyến - Sơ đồ khối của một máy phát và thu thanh vô tuyến đơn giản - Bước sóng, chu kỳ, tần số L , C sóng điện từ		1	1	
2	Sóng ánh sáng	Tán sắc ánh sáng	Nhận biết: - Khái niệm ánh sáng trắng, ánh sáng đơn sắc. Đặc điểm tán sắc qua lăng kính Thông hiểu: - Giải thích, ứng dụng hiện tượng tán sắc	2	2		

		Giao thoa ánh sáng.	Nhận biết: Hiện tượng, điều kiện giao thoa Thông hiểu: - Tính toán khoảng vân Vận dụng: - Tính toán vị trí vân - Tính số vân - Tính vân trùng Vận dụng cao: - Tính số vân - Tính vân trùng -Tính số vân sáng trong 1 vùng	2	2	3	2
		Các loại quang phổ	Nhận biết: - Định nghĩa, cấu tạo, nguyên tắc hoạt động của máy quang phổ Thông hiểu: Định nghĩa, Nguồn phát, tính chất và ứng dụng các loại quang phổ	2	1		
		Tia hồng ngoại, tia tử ngoại, tia X	Nhận biết: - So sánh các loại tia - liên hệ giữa bước sóng và loại tia - Quan hệ giữa tần số và bước sóng Thông hiểu: - Bản chất, tính chất và ứng dụng tia	4	2		
3	Lượng tử ánh sáng	_ Hiện tượng quang điện. Thuyết lượng tử ánh sáng	Nhận biết: - Trình bày được thí nghiệm Héc về hiện tượng quang điện và nêu được hiện tượng quang điện là gì. - Nêu được định luật về giới hạn quang điện. - Nêu được nội dung cơ bản của thuyết lượng tử ánh sáng. - Nêu được ánh sáng có lưỡng tính sóng - hạt. Thông hiểu: - Giải thích được kim điện kế bị lệch do ánh sáng làm bật electron khỏi bề mặt kim loại trong thí nghiệm Héc. - Hiểu được định luật về giới hạn quang điện, từ đó suy ra được ánh sáng nào thì gây ra hiện tượng quang điện, ánh sáng nào không gây ra hiện tượng quang điện.	2	2	2	1

			- Tính được năng lượng của photon khi biết bước sóng hay tần số từ công thức $\varepsilon = hf = h\frac{c}{\lambda}$. Vận dụng: - Vận dụng được thuyết lượng tử ánh sáng để giải thích định luật về giới hạn quang điện. - Vận dụng được hệ thức $\lambda = \frac{hc}{eU_A}$, công thức $\varepsilon = hf = h\frac{c}{\lambda}$ để giải các bài tập đơn giản về tìm lượng tử năng lượng, giới hạn quang điện, công thoát. Vận dụng cao: Vận dụng được công thức, hệ thức Anh-xtanh, hiệu suất lượng tử, HDT hãm,..... các kiến thức tổng hợp trong bài và các kiến thức liên quan để giải các bài bài tập.				
TỔNG SỐ CÂU				16	12	8	4
TỈ LỆ				40%	30%	20%	10%
TỔNG ĐIỂM				4	3	2	1

3. Môn Hóa học

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức (hoặc vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Mức độ chuẩn kiến thức kỹ năng cần thực hiện ôn tập, rèn luyện để kiểm tra đánh giá								Số câu hỏi thống nhất xây dựng 01 đề kiểm tra				Ghi chú
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Nhận biết (TN/TL)	Thông hiểu (TN/TL)	Vận dụng (TN/TL)	Vận dụng cao (TN/TL)	
			Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL					
2	Kim loại kiềm và hợp chất kim loại kiềm	2.1 Vị trí, cấu tạo nguyên tử	1								1/0				
		2.2 Tính chất vật lý, trạng thái tự nhiên, ứng dụng	1								1/0				
		2.3 Tính chất hóa học, điều chế			3	2	2		1			3/2	2/0	1/0	
3	Kim loại kiềm thổ, hợp chất kim loại kiềm, nước cứng	3.1 Tính chất vật lý, trạng thái tự nhiên, ứng dụng	1								1/0				
		3.2 Tính chất hóa học, điều chế			3	2	2			1		3/2	2/0	0/1	
4	Nhôm và hợp chất của nhôm	4.1 Tính chất vật lý, trạng thái tự nhiên, ứng dụng	1								1/0				
		4.2 Tính chất hóa học, điều chế			2		1					2/0	1/0		

5	Tổng hợp Kim loại IA, IIA, nhôm và hợp chất của chúng	Tính chất hóa học			4					1		4/0		0/1	
		Hiện tượng				1						0/1			
											4/0	16/5	6/0	2/2	
									Tỷ lệ:		70%		15%	15%	
									Tổng điểm:		7,0 điểm		2,0 điểm	1,0 điểm	

4. Môn Ngữ văn

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số lượng câu theo mức độ								Ghi chú
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
				Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	
1	Phần 1/ Đọc - hiểu (3 điểm)	-Tất cả các văn bản đã học trong sách giáo khoa - Các văn bản ngoài chương trình	1) Nhận biết: phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt, thể thơ của văn bản		2							
			2) Thông hiểu: Nội dung chính (hoặc chủ đề, câu chủ đề) của văn bản				1					
			3) Vận dụng: Chỉ ra được các biện pháp tu từ và nêu tác dụng của nó						1			
			4) Vận dụng cao: Thông điệp rút ra từ văn bản								1	
2	NLXH – 2 điểm	-Viết đoạn văn nghị luận xã hội được rút ra từ ngữ liệu của phần đọc hiểu.	1) Nhận biết: Vấn đề nghị luận		1							
			2) Thông hiểu: Nội dung và ý nghĩa của vấn đề nghị luận				1					
			3) Vận dụng:						1			

[illegible]

5. Môn Tiếng Anh

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	STRESS	2 or 3 syllable word	- Nhận biết: recognize the pronunciation of words	2			
2	SOUND	-"-ed", "-s"	- Nhận biết: recognize word stress	2			
3	COMMUNICATION	-Responding to compliments -Giving opinions	- Nhận biết: + Responding to compliments + Giving opinions	2			
4	VOCABULARY	UNIT 12,13	- Nhận biết: + the words in unit + có dấu hiệu sau khoảng trống (giới từ) - Thông hiểu: + cho từ có dấu hiệu (cơ bản: the + noun, be+ <i>adj</i> , , hs hình thành từ điền thích hợp (word form) + Tìm lỗi sai - Vận dụng thấp: +Synonym +Antonym	3	3 1	2 2	
5	TENSES	All tenses	- Nhận biết: +câu có dấu hiệu nhận biết - Thông hiểu: +chia động từ dựa vào dấu hiệu và ngữ cảnh, +Tìm lỗi sai	2	1 1		
6	IF CLAUSES	3 IF	- Nhận biết: + Multiple choice (các lựa chọn là cấu trúc 3 if căn bản, và cho 1 vế trống) - Thông hiểu: + có dấu hiệu, điền vào khoảng trống 2 vế	1	1	1	1

			-Vận dụng thấp: + Cho If.. not viết lại bằng unless hoặc ngược lại -Vận dụng cao: + Rewrite sentences: (đảo ngữ if)				
7	PASSIVE VOICCE	All tenses	- Nhận biết: + Multiple choice (chỉ có 1lựa chọn có cấu trúc bị động, các lựa chọn còn lại dạng chủ động) -Thông hiểu: +Chia động từ ở dạng đúng (có dấu hiệu để nhận biết), + Tìm lỗi sai -Vận dụng thấp: +Viết lại câu chủ động sang bị động (có 2 objects) -Vận dụng cao: + Viết lại câu bị động sang chủ động	1	2	1	1
8	REPORTED SPEECH	-command -question	- Nhận biết: + nhận dạng : V→ to V -Vận dụng cao: Viết lại câu	1			1
9	RELATIVE CLAUSES	WHO , WHOM, WHICH, THAT, WHOSE, WHEN, WHY, WHERE	-Nhận biết: + Nhận dạng được dấu hiệu (who+V, Whom+S(pronoun..), Whose+ N, which) thích hợp để điền vào chỗ trống -Thông hiểu: + Error finding: dựa vào câu cho sẵn tìm lỗi sai trong mệnh đề quan hệ xác định	2	1		
10	COMPARISON	UNIT 13	- Nhận biết: +Nhận dạng: so sánh bằng, hơn , nhất -Thông hiểu: + Tìm lỗi sai - Vận dụng thấp: so sánh kép	2	1	2	
11	CLOZE TEXT	words related to topic unit 11,12	-Thông hiểu: + reference questions , +vocabulary questions - Vận dụng thấp: factual questions		3	2	
12	READING	Topic related to unit 12,13	-Thông hiểu: + reference questions , +vocabulary questions - Vận dụng cao: + main idea, + questions on author's purpose		3		2
				18	17	10	5